

Bản án số: 341/2024/DS-PT
Ngày: 24 – 5 – 2024
V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản
và yêu cầu hủy GCN QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Văn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Minh

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1273/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm 1951; có mặt.

Địa chỉ: Nhà số E ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Kim Điền P, sinh năm 1993; địa chỉ: Nhà số A, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018), vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lâm Phước L, sinh năm 1962, vắng mặt.

Địa chỉ: Nhà số E ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lâm Thanh B, sinh năm 1984;

3.2. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1988;

3.3. Bà Lâm Thị T, sinh năm 1989;

3.4. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: Số E, ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.5. Bà Lý Ngọc Á, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.6. Ông Trần Thanh S (Bạc H2), sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.7. Bà Kha Thị H3;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Bà Ngô Thị Tuyết H4, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị Tuyết H4: Bà Sơn Thị D, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.9. Bà Ngô Thị Ánh H5;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Số C đường N, ấp V, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3.11. Ông Lưu Minh Đ;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị H, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thông qua đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng ở Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lâm Thị H và người đại diện theo ủy quyền là anh Kim Điền P trình bày:

Cha mẹ đẻ của bà Lâm Thị H là cụ Lâm H6 (chết năm 1985) và cụ Vương Thị T1 (chết ngày 20/3/2007) có 3 người con chung là: ông Lâm B1 (không có vợ con, chết năm 2003), bà Lâm Thị H và ông Lâm Phước L.

Sinh thời, vợ chồng cụ H6, cụ T1 có tạo lập được quyền sử dụng diện tích 25.222m² đất nông nghiệp (loại đất trồng lúa), thuộc thửa số 416, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ H6, cụ T1 chết đều không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ H6, cụ T1 hiện chỉ có bà H và ông L.

Khi còn sống, cụ T1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng phần lớn diện tích đất nêu trên cho nhiều người thông qua hình thức giấy viết tay. Cuối năm 2007, ông L tự ý đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK.886167 ngày 13/12/2007. Trong hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 của ông L có tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” lập ngày 06/11/2007, có đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã T, nhưng bà H xác định chữ ký tên và chữ viết họ tên Lâm Thị H tại biên bản nêu trên không phải chữ ký và chữ viết của bà H, vì tại thời điểm biên bản được lập thì bà H không cư trú ở địa phương mà đi lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê kiếm sống.

Bà H khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 416, tờ bản đồ số 04 nêu trên, đồng thời đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK.886167 ngày 13/12/2007 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho ông L. Sau đó, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ đề nghị chia thừa kế bằng giá trị đối với diện tích 7.882,7m² đất thuộc thửa số 416, tờ bản đồ số 04, đồng thời rút yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK.886167 ngày 13/12/2007 mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho ông L, với lý do: Diện tích đất này khi còn sống cụ T1 chưa chuyển nhượng cho ai. Vợ chồng ông L sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp để vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T4 nhưng không trả được nợ, nên quyền sử dụng diện tích đất này đã bị phát mãi, bán đấu giá để thi hành án lấy tiền trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Thạnh Quới. Anh Lưu Minh Đ là người mua trúng đấu giá, sau đó Ủy ban nhân dân huyện M đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ.

Bị đơn là ông Lâm Phước L có lời bày duy nhất tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2018 như sau:

Diện tích đất bà H khởi kiện có nguồn gốc là một phần của thửa đất số 416, tờ bản đồ số 04, có tổng diện tích 25.222m² mà sinh thời cha mẹ đẻ của ông tạo lập được. Khi còn sống, cụ T1 đã chuyển nhượng cho nhiều người phần lớn diện tích của thửa đất này, nhưng chưa làm thủ tục tách thửa, sang tên. Sau khi cụ T1 chết, ông đăng ký kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 416, tờ bản đồ số 04, có tổng diện tích 25.222m². Diện tích thực tế ông quản lý, sử dụng chỉ còn khoảng 5 công. Trước đây bà Lâm Thị S1 có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông để thế chấp vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân T4, sau đó do không trả được nợ nên Cơ quan thi hành án đã kê biên phát mãi quyền sử dụng đất để thu hồi nợ trả cho Quỹ tín dụng. Anh Lưu Minh Đ là người mua trúng đấu giá phần diện tích đất còn lại của thửa 416, tờ bản đồ số 04, diện tích 7.882,7m². Hiện ông không còn quản lý, sử dụng bất cứ phần đất nào thuộc thửa đất cha mẹ đẻ lại; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cũng đã bị thu hồi, nên ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định (tóm tắt):

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 7.882,7m² đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Đình chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK.886167 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Lâm Phước L ngày 13/12/2007 đối với thửa đất số 416, tờ bản đồ số 04, diện tích 25.222m², tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá, án phí và tuyên cho các đương sự quyền quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật)

Ngày 12/10/2023, bà Lâm Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lâm Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng bà không tham gia, không ký tên vào tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” lập ngày 06/11/2007, vì khi đó bà đang làm thuê trên Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đề nghị Tòa án xem xét buộc ông L phải trích chia cho bà giá trị quyền sử dụng đất do cụ T1 để lại.

Ông Lâm Phước L, bà Đặng Thị H1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nghị án và nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định và phù hợp về hình thức nên là căn cứ để Tòa án xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn ông Lâm Phước L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị H1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại đoạn 4 khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông L, bà H1. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy quyền và lợi ích của họ không liên quan đến nội dung kháng cáo của bà Lâm Thị H, nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt những đương sự này.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định phần đất tranh chấp có diện tích 7.882,7m², loại đất trồng lúa, là một phần của thửa số 416, tờ bản đồ số

04 (có tổng diện tích 25.222m²), tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Lâm H6, cụ Vương Thị T1 (là cha mẹ đẻ của nguyên đơn, bị đơn) sinh thời tạo lập được. Bà Lâm Thị H yêu cầu Tòa án chia thừa kế cho bà được hưởng 1/2 giá trị quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Ông Lâm Phước L cho rằng phần đất này đã được cơ quan Thi hành án dân sự huyện M bán đấu giá để thu hồi nợ trả cho Q tín dụng nhân dân Thạnh Quới, nên ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trên thực tế, anh Lưu Minh Đ là người mua trúng đấu giá phần đất nêu trên và đã được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI.316315 ngày 18/12/2017 (thửa đất số 416, tờ bản đồ số 04, diện tích 7.882,7m², loại đất trồng lúa).

[3] Những chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá và sử dụng để quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” do Ban nhân dân ấp Đào Viên cùng Tư pháp xã Thạnh Quới lập ngày 06/11/2007 (BL 389); “Biên bản xác minh” ngày 19/7/2023 đối với ông Trần Văn H7 (BL 325) và “Biên bản xác minh” ngày 21/3/2023 đối với ông Huỳnh Công T2 (BL 327) đều do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành; Công văn số 874/UBND-VP ngày 24/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện M trả lời Tòa án cấp sơ thẩm về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lâm Phước L (BL 66). Tuy nhiên, qua xem xét các chứng cứ nêu trên, cùng với những tài liệu, chứng cứ khác đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập hiện có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Tại Đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 (BL 01), Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022 (BL 306), bà Lâm Thị H luôn khẳng định bà không tham gia, không ký tên vào tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” ngày 06/11/2007. Quá trình tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm, bà H và người đại diện theo ủy quyền nhiều lần đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên bà H tại tài liệu này. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải trực tiếp thu thập mẫu chữ ký, chữ viết của bà H, có thể thu thập thêm mẫu chữ ký, chữ viết của bà H tại thời điểm gần với thời điểm lập tờ biên bản, rồi tiến hành thủ tục trưng cầu cơ quan chuyên môn giám định. Việc chọn mẫu tài liệu đủ điều kiện giám định, tiến hành giám định và kết luận giám định là hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức giám định, hoàn toàn không phải chuyên môn của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp chữ viết, chữ ký tại thời điểm năm 2007 để làm mẫu so sánh và lấy lý do bà H không cung cấp được, nên không tiến hành trưng cầu giám định là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền tố tụng của nguyên đơn.

[3.2] Tại tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” ngày 06/11/2007 có các chữ ký của ông Trần Văn H7 (nguyên cán bộ tư pháp-hộ tịch xã T), ông Ngô Ngọc S2 (nguyên Trưởng ban N), ông Bùi Công T3 (nguyên Công an xã kiêm Phó ban nhân dân ấp Đ), ông Triệu Thanh N1 (nguyên cán bộ địa chính xã T) và ông Huỳnh Công T2 (nguyên nhân viên tài chánh ấp Đ). Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh bằng cách cho những người có tên trên xem lại tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất” ngày 06/11/2007, tiếp đó là ghi nhận ý kiến của từng người, kết quả: Ông Trần Văn H7 khai: “*Về thành phần tham gia thì tôi*

không được rõ. Vì lúc đó thường khi giải quyết vụ việc, ấp tổ chức cuộc họp lập biên bản rồi gửi lên Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Đa số khi giải quyết vụ việc như vậy thì đa số thành phần ấp giải quyết là có mặt đầy đủ của các đương sự. Còn thành phần cụ thể có những ai tham gia thì ông không nắm được, vì do ấp trực tiếp làm rồi trình lên Ủy ban xác nhận. Ai đem biên bản lên xã xác nhận thì ông không nhớ vì thời gian đã quá lâu” (BL 325); ông Huỳnh Công T2 khai: “Lúc tôi làm tài chánh ấp Đ thì ông L và bà H có liên hệ ấp để mở cuộc họp xác định chủ quyền đất ngày 06/11/2007. Tại cuộc họp có sự tham gia của ấp gồm ông Bùi Công T3 là Trưởng công an ấp (đã chết 02 tháng nay), ông Ngô Ngọc S2 là Trưởng ấp và tôi là tài chánh ấp, đồng thời cũng có sự tham gia và có mặt ông Lâm Phước L và bà Lâm Thị H. Cuộc họp được tổ chức tại nhà ông Lâm Phước L. Lúc đó bà H có tham gia và đồng ý giao chủ quyền các thửa đất đã ghi trong biên bản ngày 06/11/2007 cho ông L quản lý sử dụng và đi làm bằng khoán đất cho ông L. Tại cuộc họp, bà H thống nhất và không có ý kiến gì. Vì bà H đã được cha mẹ giao cho phần đất khác. Sau khi lập biên bản xong thì ông Ngô Ngọc S2 đem lên Ủy ban nhân dân xã để cho ông Trần Văn H7 là tư pháp xã và ông Triệu Thanh N1 là địa chính xã ký” (BL 327); ông Triệu Thanh N1 khai: “Tôi xác nhận chữ ký trong biên bản được lập ngày 06/11/2007 là chữ ký của tôi. Vì cuộc họp thì do tư pháp xã là ông Trần Văn H7 lập tại ấp. Sau khi lập xong thì đem lên xã để cho tôi ký. Còn việc tham gia lập biên bản thì tôi không nhớ có tham gia hay không vì thời gian đã quá lâu, cũng như thành phần tham gia cuộc họp thì tôi cũng không nhớ những ai có tham gia hay không” (BL 329); ông Ngô Ngọc S2 khai: “Tôi xác định chữ ký trong biên bản này là chữ ký của tôi. Lúc đó tôi mới về làm Trưởng ấp Đ không hiểu biết nhiều vấn đề tại nơi này. Về quy trình cuộc họp do thời gian quá lâu tôi không nhớ là có tham gia hay không, cũng như thành phần tham gia cuộc họp về việc xác định chủ quyền đất ngày 06/11/2007 thì tôi cũng không biết có những ai tham gia hay không” (BL 331). Như vậy, trong số 4 người được hỏi thì chỉ có duy nhất ông Huỳnh Công T2 khẳng định bà H có mặt tại buổi họp về xác định chủ quyền đất ngày 06/11/2007 và bà H đồng ý để cho ông L đứng tên chủ quyền các thửa đất. Các ông Trần Văn H7, Triệu Thanh N1 thì không trực tiếp tham gia buổi họp, còn ông Ngô Ngọc S2 thì không nhớ. Và cho dù ông Huỳnh Công T2 xác định bà H có mặt tại buổi họp ngày 06/11/2007 thì cũng không đồng nghĩa với việc bà H là người đã ký tên vào tờ “Biên bản về việc xác định chủ quyền đất”. Hơn nữa, cảm quan bằng mắt thường thì thấy chữ ký và chữ viết họ tên bà Lâm Thị H tại tờ biên bản này là hoàn toàn khác so với chữ ký và chữ viết họ tên bà Lâm Thị H tại Đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2022. Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng những chứng cứ gián tiếp là lời khai xác nhận của ông T2, ông H7 để xác định bà H đã đồng ý cho ông L đứng tên quyền sử dụng các thửa đất, trong đó có thửa số 416, tờ bản đồ số 04 (nay có một phần các đương sự đang tranh chấp) là không đủ cơ sở.

[4] Quá trình tố tụng, phía nguyên đơn cung cấp bản chính “Biên bản hòa giải” ngày 29/4/2017 (BL 333-334) do Tổ hòa giải ấp Đ tiến hành việc hòa giải tranh chấp đất đai giữa bà Lâm Thị H và ông Lâm Phước L. Trong nội dung biên bản thể hiện: Bà H muốn lấy lại phần đất có diện tích 7.882,7m² vì đây là phần

đất cụ T1 để lại cho bà thừa hưởng. Bà Đặng Thị H1 là vợ của ông L thừa nhận phần đất này là của bà H; vợ chồng bà đồng ý trả lại phần đất này cho bà H. Ý kiến của Tổ hòa giải là ghi nhận kết quả hòa giải thành, theo đó vợ chồng bà H1, ông L đồng ý trả lại diện tích 7.882,7m² đất hiện do ông L đứng tên cho bà H. Mặc dù trong biên bản không có ghi ý kiến cụ thể của ông L, nhưng ở cuối biên bản có chữ ký và ghi họ tên của ông Lâm Phước L. Xét đây có thể là chứng cứ trực tiếp để giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chưa xác minh làm rõ tính xác thực của tài liệu này, từ đó chưa xem xét, đánh giá về giá trị chứng minh của chứng cứ này trong vụ án.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy việc giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm là chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và việc đánh giá chứng cứ cũng chưa toàn diện, triệt để mà ở cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Lâm Thị H:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về vụ án “Tranh chấp thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Lâm Thị H với bị đơn là ông Lâm Phước L; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên và địa chỉ cư trú nêu tại trang 1 và trang 2 của Bản án này.

2. Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lâm Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, NVK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Văn